CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH[1]
Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số

Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, có hiệu lực kể từ ngày 10/5/2018.

2. Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Nghị định sau:

- Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2013;

- Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018 (Sau đây gọi là Nghị định số 48/2018/NĐ-CP).

- Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 (Sau đây gọi là Nghị định số 80/2019/NĐ-CP).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Nghị định nêu trên.

được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số [2],

---

[2] - Nghị định số 48/2018/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số."

- Nghị định số 80/2019/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ."

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số.

2. Những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số thì áp dụng theo quy định tại các văn bản đó để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1.[3] Cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định này.

Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số theo quy định của Nghị định này bao gồm: Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài, đại lý bảo hiểm là tổ chức, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và tổ chức khác có tư cách pháp nhân), doanh nghiệp kinh doanh xổ số, đại lý xổ số là tổ chức và các tổ chức khác có liên quan quy định tại Nghị định này.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019, đã được sửa đổi, bổ sung lần 1 theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Điều 3. Hình thức xử phạt

1. Hình thức xử phạt chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số bao gồm:

a) Cảnh cáo;

b)[4] Phạt tiền.

Mức xử phạt bằng tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức xử phạt đối với cá nhân trừ trường hợp quy định tại Điều 13, khoản 4 Điều 18, Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 21a, Điều 22, khoản 3, khoản 4 Điều 24, điểm b, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 25a, Điều 32a, Điều 34, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 36, khoản 2 Điều 40, khoản 2 Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45, khoản 3 Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 50 và khoản 2 Điều 51 của Nghị định này chỉ áp dụng để xử phạt đối với tổ chức.

Mức xử phạt bằng tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân cho cùng hành vi vi phạm.

Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số tối đa là 100.000.000 đồng, đối với tổ chức tối đa là 200.000.000 đồng.

c)[5] Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm có thời hạn.

2. Hình thức xử phạt bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số bao gồm:

a)[6] *Đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm:*

Tước quyền sử dụng Chứng chỉ đại lý bảo hiểm có thời hạn; tước quyền sử dụng Chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm có thời hạn;

Đình chỉ hoạt động có thời hạn một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm trong Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

---

[4] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[5] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;

Đình chỉ hoạt động đại lý bảo hiểm có thời hạn;

Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm có thời hạn;

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

b) Đối với lĩnh vực kinh doanh xổ số:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số có thời hạn;

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại Điều 3 Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc cải chính những thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính;

d) Buộc tiêu hủy tài liệu gian dối, giả mạo;

đ) Buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bổ nhiệm;

e) Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành, chuyên gia tính toán đã được Bộ Tài chính phê chuẩn; buộc đình chỉ hoạt động đào tạo đại lý, buộc hủy bỏ kết quả đào tạo đại lý.

2. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kinh doanh xổ số:

a) Buộc thực hiện kinh doanh đúng các loại hình sản phẩm xổ số theo quy định của pháp luật;

b) Buộc thực hiện kinh doanh xổ số theo đúng địa bàn;

c) Buộc hủy bỏ, đính chính kết quả trúng thưởng bị sai lệch, không đúng so với biên bản xác nhận của Hội đồng giám sát xổ số;

d) Buộc bổ sung, đính chính số liệu đã báo cáo không đầy đủ, không chính xác;

đ) Buộc tiêu hủy tài liệu đã bị sửa chữa, tẩy xóa, gian dối hoặc giả mạo, các thiết bị sử dụng quay số mở thưởng không bảo đảm yêu cầu quản lý theo quy định của pháp luật;

e) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính mà có.

Chương 2
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM

MỤC 1
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 5. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đã được cấp phép

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sửa chữa, gian dối hoặc giả mạo các tài liệu đối với hồ sơ đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;

b) Sửa chữa, gian dối hoặc giả mạo các tài liệu đối với hồ sơ đã được cấp phép thành lập Chi nhánh.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy tài liệu gian dối, giả mạo;

b) Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.

Điều 6. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đặt Văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, gian dối hoặc giả mạo các tài liệu đối với hồ sơ đã được cấp phép đặt Văn phòng đại diện.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy tài liệu gian dối, giả mạo.

Điều 7. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép đặt Văn phòng đại diện

1.[7] *Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:*

a) Không thực hiện đăng báo hàng ngày trong 05 số báo liên tiếp về những nội dung phải công bố theo quy định của pháp luật.

b) Công bố không đúng thời hạn một trong những nội dung trong Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

c) Không công bố các nội dung hoặc nội dung sửa đổi, bổ sung tại Giấy phép đặt Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không công bố, công bố sai sự thật một trong những nội dung hoạt động và thay đổi đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định của pháp luật;

b) Mở hoặc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản;

c) Sửa chữa Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi mức vốn điều lệ, vốn được cấp, nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, kinh doanh môi giới bảo hiểm không có Giấy phép thành lập và hoạt động;

b) Hoạt động, kinh doanh khi đã bị đình chỉ hoạt động Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Hoạt động khi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện đã hết thời hạn.

4a.[8] Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với trường hợp vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính những thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn đối với trường hợp vi phạm tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính mà có đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Điều 8. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức, giải thể doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không theo quy định của pháp luật.

---

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính mà có đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

MỤC 2
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VỀ QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 9. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về quản trị, điều hành, kiểm soát

1. ***(được bãi bỏ)***[9]

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam;

b) Bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh

[9] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam;

c) Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam;

d)[10] Bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của quá một (01) chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hoặc các bộ phận nghiệp vụ. Bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc của chi nhánh nước ngoài kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của quá một (01) bộ phận nghiệp vụ của chi nhánh đó.

đ)[11] Bổ nhiệm chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài đồng thời kiêm nhiệm các chức danh Tổng Giám đốc (Giám đốc), kế toán trưởng.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a)[12] Bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), chuyên gia tính toán, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên không đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

---

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[11] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

b) Không ban hành quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ và các quy trình khác theo quy định của pháp luật;

c) Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ không đáp ứng được các nội dung theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a)[13] Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán, Chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán không đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

b)[14] Không bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán, Chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật;

c) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc) khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điểm a, Điểm c Khoản 4 Điều này;

b) Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Buộc đình chỉ các chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm

---

[13] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[14] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

phi nhân thọ nước ngoài bổ nhiệm đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều này.

Điều 10. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về chuyên gia tính toán (Appointed Actuary), chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi thay đổi chuyên gia tính toán, chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán không theo quy định của pháp luật.

2.[15] Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe không thực hiện theo quy định của pháp luật một trong các nhiệm vụ sau:

a) Tính toán phí bảo hiểm và tham gia xây dựng quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm; xác nhận phí bảo hiểm;

b) Hàng năm đánh giá chênh lệch giữa các giả định tính phí với thực tế triển khai của từng sản phẩm;

c) Đánh giá chương trình tái bảo hiểm và các hợp đồng tái bảo hiểm trước khi trình Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty) phê duyệt;

d) Báo cáo trực tiếp Bộ Tài chính trong trường hợp nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm.

3.[16] Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi của chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không thực hiện theo quy định của pháp luật một trong các nhiệm vụ sau:

a) Tính toán phí bảo hiểm và tham gia xây dựng quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm, tái bảo hiểm; xác nhận phí bảo hiểm;

b) Đánh giá tình hình chi bồi thường;

---

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

c) Đánh giá chương trình tái bảo hiểm và các hợp đồng tái bảo hiểm trước khi trình Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty) phê duyệt;

d) Báo cáo trực tiếp Bộ Tài chính trong trường hợp nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm.

4.[17] Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe không thực hiện theo quy định của pháp luật một trong các nhiệm vụ sau:

a) Tính toán việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm;

b) Tham gia thực hiện việc tách quỹ và tính toán phân chia thặng dư hàng năm của quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm;

c) Định kỳ hàng tháng, đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe và xác nhận vào báo cáo khả năng thanh toán gửi Bộ Tài chính.

5.[18] Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi của chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không thực hiện theo quy định của pháp luật một trong các nhiệm vụ sau:

a) Tính toán việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm;

b) Tham gia thực hiện tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm phù hợp với quy định pháp luật;

c) Định kỳ hàng quý tính toán khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài và xác nhận vào báo cáo khả năng thanh toán gửi Bộ Tài chính.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc bãi nhiệm chức danh chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này; buộc bãi

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

nhiệm chức danh chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán đã được đăng ký của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đối với trường hợp vi phạm quy định Khoản 5 Điều này.

Điều 11. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về thay đổi nội dung hoạt động

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau:

a) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính, Chi nhánh, Văn phòng đại diện mà chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản;

b) Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính những thay đổi của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đối với cổ đông chiếm 10% vốn điều lệ trở lên hoặc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để cổ đông chiếm 10% vốn điều lệ trở lên mà chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính mà có đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 12. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về tái bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không ban hành hoặc ban hành quy trình, hướng dẫn nội bộ về hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm không đáp ứng quy định của pháp luật;

b) Không thực hiện việc tái bảo hiểm theo chương trình tái bảo hiểm và quy trình, hướng dẫn nội bộ về hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;

c) Không nộp Bộ Tài chính văn bản xác nhận của cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài nơi công ty nhận tái bảo hiểm đóng trụ sở chính theo quy định của pháp luật;

d) Không báo cáo Bộ Tài chính trong trường hợp thực hiện tái bảo hiểm hạn chế theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Nhượng tái bảo hiểm không đúng quy định của pháp luật;

b)[19] Giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ quá 10% vốn chủ sở hữu.

c) Nhận tái bảo hiểm đối với chính những rủi ro đã nhượng tái bảo hiểm; nhượng toàn bộ trách nhiệm bảo hiểm đã nhận trong một hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác;

d) Nhượng tái bảo hiểm cho doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài không được xếp hạng tối thiểu "BBB" theo Standard & Poor's, "B++" theo A.M.Best, "Baa" theo Moody's hoặc các kết quả xếp hạng tương đương tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm giao kết hợp đồng tái bảo hiểm;

đ) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nhượng toàn bộ trách nhiệm bảo hiểm đã nhận trong một hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

---

[19] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có nguy cơ mất khả năng thanh toán; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể không thực hiện chuyển giao hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 14. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giải quyết bồi thường cho khách hàng chậm theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Yêu cầu người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm trả thù lao, hay các quyền lợi vật chất khác trái pháp luật trong quá trình giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm;

b) ***(được bãi bỏ)***[20]

3[21]*. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về gian lận trong kinh doanh bảo hiểm mà số tiền chiếm đoạt*

[20] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại dưới 50.000.000 đồng hoặc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể như sau:

a) Thông đồng với người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm để giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật;

b) Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin để từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;

c) Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm;

d) Tự gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của mình để hưởng quyền lợi bảo hiểm trừ trường hợp luật quy định khác.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

b) Buộc đình chỉ các chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bổ nhiệm vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

MỤC 3
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VỀ KHAI THÁC BẢO HIỂM

Điều 15. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Can thiệp trái pháp luật vào việc lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ định, yêu cầu, ép buộc, ngăn cản tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm;

c) Thông tin, quảng cáo sai sự thật về nội dung, phạm vi hoạt động, điều kiện bảo hiểm, làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cấu kết giữa các doanh nghiệp bảo hiểm chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài hoặc giữa doanh nghiệp bảo hiểm chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài với bên mua bảo hiểm nhằm phân chia thị trường bảo hiểm, khép kín dịch vụ bảo hiểm;

b) Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa nhân viên hoặc khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính những thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 16. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về khai thác bảo hiểm phi nhân thọ

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không công khai và minh bạch trong bán hàng làm cho khách hàng hiểu sai về sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp;

b) Phân biệt đối xử về điều kiện bảo hiểm và mức phí bảo hiểm giữa các đối tượng bảo hiểm có cùng mức độ rủi ro.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với chủ đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên, chủ sở hữu hoặc sử dụng tài sản thuộc sở hữu nhà nước và của doanh nghiệp nhà nước khi tham gia bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm không thực hiện đấu thầu để lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 17. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về triển khai bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tài liệu giới thiệu sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp bảo hiểm không rõ ràng, khó hiểu và chứa đựng thông tin dẫn đến hiểu lầm;

b) Tài liệu minh họa bán hàng không rõ ràng, không đầy đủ và chính xác để giúp khách hàng có sự lựa chọn phù hợp;

c) Hàng năm không xem xét lại các giả định dùng trong minh họa bán hàng; không sửa lại minh họa bán hàng nếu giả định không còn phù hợp với thực tế;

d) Tài liệu giới thiệu sản phẩm, dịch vụ, tài liệu minh họa bán hàng chứa đựng những thông tin về quyền lợi bảo hiểm trái với quy tắc, điều khoản bảo hiểm, biểu phí đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, không giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;

b) Không thực hiện thông báo cho bên mua bảo hiểm về tình trạng hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

c) Ép buộc giao kết hợp đồng bảo hiểm bổ trợ kèm theo hợp đồng bảo hiểm chính;

d) Triển khai các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm sức khỏe không theo quy định của pháp luật.

đ)[22] Ép buộc các tổ chức, cá nhân mua bảo hiểm dưới mọi hình thức.

---

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.

Điều 18. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về sản phẩm bảo hiểm, hoa hồng bảo hiểm

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi báo cáo danh sách các sản phẩm mới được triển khai trong tháng trước liền kề không đúng quy định của pháp luật.

2.[23] Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo danh sách các sản phẩm mới được triển khai trong tháng trước liền kề;

b) Công bố không đúng thời hạn các sản phẩm bảo hiểm được phép triển khai theo quy định của pháp luật;

c) Công bố không đầy đủ các nội dung của sản phẩm bảo hiểm được phép triển khai theo quy định của pháp luật.

3.[24] Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Triển khai quy tắc, điều khoản, biểu phí các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới trước khi đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận;

b) Triển khai các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe trước khi được Bộ Tài chính phê chuẩn;

c) Không tuân thủ quy tắc, điều khoản, biểu phí đã đăng ký với Bộ Tài chính;

---

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

d) Không tuân thủ quy tắc, điều khoản, biểu phí đã được Bộ Tài chính phê chuẩn;

đ) Sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều khoản, biểu phí khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Tài chính;

e) Không báo cáo Bộ Tài chính sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ trong trường hợp sản phẩm không bảo đảm an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả hoa hồng bảo hiểm cao hơn tỷ lệ, trả hoa hồng bảo hiểm không đúng đối tượng hoặc nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 19. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về bảo hiểm bắt buộc của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Từ chối bán bảo hiểm bắt buộc cho cá nhân, tổ chức trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Không tuân thủ quy tắc, điều khoản và biểu phí do Bộ Tài chính ban hành;

c) Không tách riêng phần bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm trọn gói theo quy định.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này;

Điều 20. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về trích lập Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trích nộp đủ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lưu giữ và cung cấp các tài liệu chứng minh đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện gửi cho Bộ Tài chính báo cáo tài chính của năm trước liền kề không đúng quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam không cung cấp các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam không đáp ứng đủ các điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới không có trụ sở chính tại quốc gia mà Việt Nam và quốc gia đó ký kết các điều ước quốc tế về thương mại, trong đó có thỏa thuận về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam;

c) Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới không thông qua doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

d) Doanh nghiệp thành lập ở Việt Nam có sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên 49% vốn điều lệ và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam tham gia bảo hiểm tại nước ngoài không thông qua doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 21a. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài[25]

1. Phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam nhưng không phải là công dân tại quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường đối với dịch vụ tư vấn bảo hiểm qua biên giới.

b) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam không có trụ sở chính tại quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường đối với dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới.

---

[25] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Đình chỉ cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm từ 03 tháng đến 06 tháng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 93b được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm không đúng loại hình dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được phép cung cấp theo quy định pháp luật.

3. Trong thời gian bị đình chỉ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức nước ngoài tiếp tục có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này sẽ bị đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam từ 06 đến 12 tháng.

MỤC 4
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, PHỤ TRỢ BẢO HIỂM VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN[26]

Điều 22. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động môi giới bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động ở Việt Nam.

Điều 23. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về môi giới bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi ngăn cản bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp

[26] Tên mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

đồng bảo hiểm hoặc xúi giục bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không kê khai các chi tiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tư vấn cho khách hàng mua bảo hiểm tại một doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài với các điều kiện, điều khoản kém cạnh tranh hơn so với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác nhằm thu được hoa hồng môi giới cao hơn;

b) Tư vấn, giới thiệu cho bên mua bảo hiểm quy tắc, điều khoản và biểu phí bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm bắt buộc không đúng quy định của pháp luật;

c) Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không thỏa thuận bằng văn bản với bên mua bảo hiểm hoặc có thỏa thuận bằng văn bản nhưng thỏa thuận này không nêu rõ nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) ***(được bãi bỏ)***[27]

b) Sử dụng nhân viên chưa có chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 24. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về đại lý bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

---

[27] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

a) Làm đại lý cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác khi không được sự đồng ý bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà tổ chức, cá nhân đang làm đại lý;

b) Ngăn cản bên mua bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hoặc xúi giục bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không kê khai các chi tiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm;

c) Hoạt động đại lý bảo hiểm khi chưa ký hợp đồng đại lý hoặc khi hợp đồng đại lý bảo hiểm đã hết hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Hoạt động đại lý bảo hiểm khi không đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các công việc ngoài nội dung hoạt động đại lý theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các công việc ngoài nội dung được ủy quyền trong hợp đồng đại lý bảo hiểm;

d) Thay mặt bên mua bảo hiểm đàm phán hợp đồng bảo hiểm với chính doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà tổ chức, cá nhân đang làm đại lý.

3. Phạt tiền 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo đại lý thực hiện một trong những hành vi vi phạm sau:

a) Đào tạo đại lý bảo hiểm chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Không tuân thủ nội dung, chương trình đào tạo đại lý đã được Bộ Tài chính phê chuẩn về thời gian đào tạo, cán bộ đào tạo, cơ sở vật chất để đào tạo;

c) Cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm không đúng quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài sử dụng tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động đại lý bảo hiểm mà không đảm bảo các điều kiện và nguyên tắc hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

5.[28] Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ đại lý bảo hiểm của cá nhân từ 02 tháng đến 03 tháng, đình chỉ hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức từ 02 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Buộc đình chỉ hoạt động đào tạo đại lý của cơ sở đào tạo đại lý từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này;

c) Buộc hủy kết quả đào tạo đại lý bảo hiểm đối với vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này;

d) ***(được bãi bỏ)[29]***

Điều 25. Xử phạt đối với các hành vi vi phạm của Văn phòng đại diện doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài

Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Thay đổi tên gọi, quốc tịch, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài hoặc tên gọi của Văn phòng đại diện không theo đúng quy định của pháp luật;

2. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện; trưởng đại diện; tăng, giảm số người làm việc tại Văn phòng đại diện nhưng không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính.

---

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[29] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Điều 25a. Xử phạt đối với các hành vi vi phạm cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm của cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm[30]

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm khi cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm như sau:

a) Không giữ bí mật thông tin khách hàng hoặc sử dụng thông tin khách hàng không đúng mục đích hoặc cung cấp thông tin cho bên thứ ba mà không có sự chấp thuận của khách hàng, trừ trường hợp cung cấp theo quy định pháp luật;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm cung cấp dịch vụ giám định tổn thất bảo hiểm và hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm cho hợp đồng bảo hiểm mà tổ chức đó đồng thời là bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng;

c) Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm cung cấp dịch vụ giám định tổn thất bảo hiểm cho hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp đó thực hiện thu xếp giao kết hợp đồng bảo hiểm;

d) Không thực hiện đúng quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;

đ) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm không được lập bằng văn bản.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm khi cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm như sau:

a) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm không đúng loại hình dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được quyền cung cấp;

b) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo quy định pháp luật;

c) Tổ chức không có tư cách pháp nhân cung cấp một trong các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm sau: đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ về tư vấn bảo hiểm từ 01 đến 03 tháng đối với cá nhân có hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2 Điều này;

---

[30] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

b) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm từ 01 đến 03 tháng đối với cá nhân có hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này;

Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm từ 01 đến 03 tháng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm có hành vi vi phạm tại điểm a, b khoản 2 Điều này.

MỤC 5
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN

Điều 26. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về vốn

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a)[31] *Vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định theo quy định pháp luật;*

b) ***(được bãi bỏ)***[32]

c) ***(được bãi bỏ)***[33]

d) ***(được bãi bỏ)***[34]

đ) ***(được bãi bỏ)***[35]

e) Các cổ đông sáng lập sở hữu dưới 50% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của doanh nghiệp bảo hiểm trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày doanh nghiệp bảo hiểm được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[32] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[33] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[34] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

[35] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đã được Bộ Tài chính phê chuẩn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 27. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về ký quỹ

Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Nộp tiền ký quỹ không đúng quy định của pháp luật;

2. Sử dụng tiền ký quỹ không đúng quy định của pháp luật.

Điều 28. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về trích lập, quản lý và sử dụng dự phòng nghiệp vụ và dự trữ bắt buộc

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi trích lập không đủ Quỹ dự trữ bắt buộc theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ với Bộ Tài chính;

b) Không trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc theo quy định của pháp luật;

c) Sử dụng Quỹ dự trữ bắt buộc không đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Trích lập dự phòng nghiệp vụ không đúng theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng Quỹ dự phòng nghiệp vụ không đúng quy định của pháp luật;

c) Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không có xác nhận của chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán;

d) Không tuân thủ phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký với Bộ Tài chính.

4. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm c Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này;

c) Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành, chuyên gia tính toán đã được Bộ Tài chính phê chuẩn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này;

d) Buộc đình chỉ các chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bổ nhiệm đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Điều 29. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về đầu tư vốn

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không hạch toán tách biệt các khoản đầu tư vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và đầu tư từ dự phòng nghiệp vụ;

b) Doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh đồng thời các loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe không hạch toán tách biệt nguồn vốn đầu tư nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của từng loại hình tái bảo hiểm.

2.[36] Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đầu tư ngoài các nguồn vốn được phép đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Đầu tư vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ không theo quy định của pháp luật;

c) Đầu tư quá 30% nguồn vốn đầu tư vào các công ty trong cùng một tập đoàn hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu lẫn nhau theo quy định của pháp luật;

d) Đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu không theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đi vay để đầu tư trực tiếp hoặc ủy thác đầu tư vào chứng khoán, bất động sản hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác;

b) Đầu tư trở lại dưới mọi hình thức cho các cổ đông (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan theo quy định của pháp luật, trừ tiền gửi tại các cổ đông (thành viên) là tổ chức tín dụng;

c) Sử dụng nguồn vốn dự phòng nghiệp vụ để đầu tư ra nước ngoài dưới mọi hình thức;

d) Đầu tư ra nước ngoài không theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này;

b) Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

---

[36] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

c) Buộc đình chỉ các chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bổ nhiệm đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

MỤC 6
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Điều 30. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về an toàn tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;

b) Không báo cáo kịp thời về thực trạng tài chính, nguyên nhân dẫn đến nguy cơ mất khả năng thanh toán.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán khi doanh nghiệp có nguy cơ mất khả năng thanh toán;

b) Không tuân thủ yêu cầu về việc khôi phục khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện đúng phương án khôi phục khả năng thanh toán, củng cố tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bãi nhiệm chức vụ người quản trị, điều hành, chuyên gia tính toán đã được Bộ Tài chính phê chuẩn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc đình chỉ các chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bổ nhiệm đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 31. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư[37]

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đăng ký với Bộ Tài chính các nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng trước khi áp dụng của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Áp dụng phương pháp phân chia thặng dư của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ trước khi được Bộ Tài chính phê chuẩn.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi điều chuyển tài sản và bù đắp thâm hụt của quỹ chủ hợp đồng của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ không theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không theo quy định của pháp luật;

b) Phân chia thặng dư của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ không theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

---

[37] Điều này được sửa đổi tên và khoản 1, 2, 3 theo quy định tại khoản 12, Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

b) Buộc bãi nhiệm chức danh người quản trị, điều hành, chuyên gia tính toán đã được Bộ Tài chính phê chuẩn đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Buộc đình chỉ các chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm bổ nhiệm đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

MỤC 7
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 32. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về báo cáo

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Nộp báo cáo không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Nộp báo cáo không đầy đủ theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thông tin, số liệu trong báo cáo không đầy đủ, không chính xác theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không nộp báo cáo theo quy định của pháp luật.

Mục 7a[38]
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN, CHỐNG TÀI TRỢ KHỦNG BỐ TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Điều 32a. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện hành vi vi phạm quy định về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng thì bị xử phạt như sau:

---

[38] Mục này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 8 và Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy trình quản lý rủi ro các giao dịch liên quan tới công nghệ mới theo quy định tại Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng, biện pháp đánh giá tăng cường quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng quy định phân loại khách hàng, không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền theo quy định của pháp luật;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành và tuân thủ quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền; không thực hiện kiểm toán nội bộ về phòng chống rửa tiền;

e) Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không có hệ thống quản lý rủi ro để xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện hành vi vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền và phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện hành vi vi phạm quy định về chống tài trợ khủng bố như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng các biện pháp nhận biết, cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống khủng bố;

b) Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không tố giác tài trợ khủng bố.

MỤC 8
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 500.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a và Điểm d Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành thuộc Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động một phần nội dung, phạm vi trong Giấy phép thành lập và hoạt động có thời hạn; tước quyền sử dụng chứng chỉ đại lý bảo hiểm có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục quản lý, giám sát bảo hiểm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động một phần nội dung, phạm vi trong Giấy phép thành lập và hoạt động có thời hạn; tước quyền sử dụng chứng chỉ đại lý bảo hiểm có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

4. Thẩm quyền đối với mức phạt tiền quy định tại Điều này áp dụng đối với cá nhân, mức phạt tiền đối với tổ chức gấp hai lần cá nhân.

Chương 3
HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH XỔ SỐ

MỤC 1
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤP, SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH XỔ SỐ

Điều 34. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa, gian dối hoặc giả mạo các tài liệu trong hồ sơ đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy tài liệu đã bị sửa chữa, tẩy xóa, gian dối hoặc giả mạo đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 35. Hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi cho mượn, cho thuê hoặc chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh xổ số không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số từ 01 tháng đến 03 tháng đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

MỤC 2
HÀNH VI VI PHẠM VỀ IN, PHÁT HÀNH VÀ PHÂN PHỐI VÉ XỔ SỐ

Điều 36. Hành vi vi phạm quy định về in vé xổ số, phát hành vé xổ số

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau:

a) In vé xổ số không có đủ nội dung theo quy định của pháp luật;

b) Ký hợp đồng in vé xổ số với cơ sở in không đủ điều kiện in vé xổ số.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau:

a) Phát hành mệnh giá vé xổ số không đúng theo quy định của pháp luật;

b) Phát hành số lượng vé xổ số vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật;

c) Phát hành vé xổ số không đúng lịch mở thưởng theo quy định của pháp luật;

d) Phát hành vé xổ số điện toán không đúng thời gian theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi in số lượng vé xổ số không đủ theo từng loại ký hiệu vé xổ số và cơ cấu giải thưởng đã thông báo phát hành.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cạo sửa, tẩy xóa vé xổ số dưới mọi hình thức để tham gia dự thưởng và lĩnh thưởng.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức làm giả vé xổ số dưới mọi hình thức để tham gia dự thưởng và lĩnh thưởng.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ số lượng vé xổ số sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số từ 01 tháng đến 02 tháng đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều này.

Điều 37. Hành vi vi phạm quy định về phân phối vé xổ số

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bán vé xổ số cho các cá nhân thuộc đối tượng không đủ điều kiện tham gia dự thưởng xổ số theo quy định của pháp luật;

b) Bán vé xổ số không đúng mệnh giá quy định ghi trên tờ vé xổ số.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện phân phối vé xổ số không đúng phương thức được phép phân phối.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 38. Hành vi vi phạm quy định về địa bàn kinh doanh xổ số

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện kinh doanh xổ số không đúng địa bàn.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ số lượng vé xổ số kinh doanh không đúng địa bàn.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kinh doanh xổ số theo đúng địa bàn quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm hành chính tại Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 39. Hành vi vi phạm quy định về tham gia dự thưởng xổ số

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân không đủ điều kiện tham gia dự thưởng xổ số cố tình mua vé xổ số để dự thưởng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng vốn và tài sản của nhà nước để tham gia mua vé xổ số.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính tại Điều này.

Điều 40. Hành vi vi phạm quy định về thu hồi, lưu trữ, thanh hủy vé xổ số không tiêu thụ hết

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng và ban hành quy chế quy định chi tiết quy trình tổ chức thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết;

b) Ủy quyền cho doanh nghiệp kinh doanh xổ số khác thực hiện thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết mà không có văn bản ủy quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức tiêu hủy đối với các loại vé xổ số không tiêu thụ hết, cuống vé xổ số hoặc phần lưu vé xổ số lô tô đã thu hồi nhưng lưu trữ chưa đủ thời gian quy định;

b) Không thành lập Hội đồng tiêu hủy vé xổ số hoặc có thành lập Hội đồng nhưng không có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Không lập biên bản sau khi tiêu hủy vé xổ số không tiêu thụ hết.

Điều 41. Hành vi vi phạm quy định về đại lý xổ số

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa, gian dối hoặc giả mạo các tài liệu trong hồ sơ đã được làm đại lý xổ số.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Ký hợp đồng đại lý với các cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện làm đại lý xổ số theo quy định của pháp luật;

b) Không bảo đảm tỷ lệ tối thiểu về mức bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số theo quy định của pháp luật;

c) Cho đại lý xổ số nợ quá kỳ hạn nợ hoặc quá thời gian thanh toán tiền bán vé xổ số theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu các tài liệu sửa chữa, tẩy xóa, gian dối hoặc giả mạo đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này.

MỤC 3
HÀNH VI VI PHẠM VỀ LOẠI HÌNH SẢN PHẨM, THỂ LỆ DỰ THƯỞNG VÀ CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG

Điều 42. Hành vi vi phạm quy định loại hình sản phẩm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh loại hình sản phẩm không được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ số lượng vé xổ số không được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 43. Hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ trả thưởng, cơ cấu giải thưởng và thể lệ tham gia dự thưởng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Xây dựng tỷ lệ trả thưởng cho mỗi đợt phát hành vượt quá tỷ lệ quy định tối đa đối với từng loại hình xổ số;

b) Xây dựng cơ cấu giải thưởng đối với từng loại hình xổ số không đúng quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng thể lệ tham gia dự thưởng và thực hiện công bố cho khách hàng theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này.

MỤC 4
HÀNH VI VI PHẠM VỀ TỔ CHỨC MỞ THƯỞNG VÀ THIẾT BỊ QUAY SỐ MỞ THƯỞNG

Điều 44. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức mở thưởng xổ số

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức mở thưởng xổ số không đúng lịch mở thưởng;

b) Tổ chức mở thưởng xổ số không đúng địa điểm quy định;

c) Không xây dựng và công bố công khai thể lệ quay số mở thưởng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Lựa chọn người quay số mở thưởng không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Không có đủ số người quay số mở thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Thời gian quay số mở thưởng không đúng quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện quay số mở thưởng không đúng quy trình.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm sai lệch kết quả trúng thưởng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ, đính chính kết quả trúng thưởng sai lệch đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 45. Hành vi vi phạm về thiết bị quay số mở thưởng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không trang bị đầy đủ các thiết bị quay số mở thưởng theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng lồng cầu quay số không bảo đảm yêu cầu quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Bóng sử dụng để quay số mở thưởng không bảo đảm yêu cầu quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Sử dụng cân điện tử, thiết bị kiểm tra kích thước của bóng dùng để quay số không đảm bảo yêu cầu quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Hệ thống camera, màn hình bố trí ở những vị trí không đảm bảo để giám sát được toàn bộ quá trình quay số mở thưởng theo quy định và không lưu trữ đủ thời gian quy định tối thiểu đối với hình ảnh theo dõi qua camera.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu các thiết bị sử dụng quay số mở thưởng không đảm bảo yêu cầu quản lý theo quy định tại Điều này.

MỤC 5
HÀNH VI VI PHẠM VỀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, KHUYẾN MẠI

Điều 46. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng kết quả xổ số và thông tin kết quả trúng thưởng

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kết quả xổ số của doanh nghiệp kinh doanh xổ số để tổ chức các chương trình dự thưởng không theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin dự đoán trước kết quả xổ số;

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cố ý thông tin kết quả trúng thưởng sai lệch, không đúng so với biên bản xác nhận của Hội đồng giám sát xổ số.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ, đính chính kết quả sai lệch, không đúng so với biên bản xác nhận của Hội đồng giám sát xổ số đối với hành vi vi phạm hành chính tại Khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 47. Hành vi vi phạm quy định về khuyến mại trong lĩnh vực kinh doanh xổ số

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khuyến mại trong hoạt động kinh doanh xổ số.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hình thức khuyến mại mang tính may rủi để kinh doanh xổ số trái phép với mục tiêu kiếm lợi nhuận thông qua việc thu tiền của khách hàng.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ phương tiện, tang vật sử dụng để khuyến mại;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

MỤC 6
HÀNH VI VI PHẠM VỀ TRẢ THƯỞNG, LƯU TRỮ VÉ XỔ SỐ TRÚNG THƯỞNG VÀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trả thưởng cho những vé xổ số không đáp ứng đủ điều kiện trả thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cố tình kéo dài thời gian trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng;

b) Tổ chức tiêu hủy vé xổ số trúng thưởng đã trả thưởng nhưng lưu trữ chưa đủ thời gian quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm bí mật thông tin trả thưởng của khách hàng trúng thưởng.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi ủy quyền trả thưởng cho đại lý vượt quá giá trị giải thưởng được phép ủy quyền.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được đối với hành vi vi phạm hành chính tại Khoản 1, Khoản 4 Điều này.

Điều 49. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với hệ thống xổ số điện toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh loại hình xổ số điện toán nhưng không ban hành Quy chế quản lý, khai thác dữ liệu máy chủ, không lưu trữ dữ liệu kinh doanh xổ số điện toán theo đúng thời gian quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh loại hình xổ số điện toán nhưng không đáp ứng đủ điều kiện về thiết bị máy chủ, máy bán vé xổ số theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh loại hình xổ số điện toán nhưng không đáp ứng đủ điều kiện về phần mềm theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính tại Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

MỤC 7
HÀNH VI VI PHẠM VỀ HOA HỒNG ĐẠI LÝ, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ DỰ PHÒNG TRẢ THƯỞNG, QUỸ TÀI CHÍNH, SỬ DỤNG CÁC QUỸ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Hành vi vi phạm hành chính về hoa hồng đại lý, trích lập Quỹ dự phòng trả thưởng, Quỹ tài chính và sử dụng các quỹ

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi trả hoa hồng cho đại lý xổ số cao hơn tỷ lệ quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi cố ý trích lập, sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, Quỹ tài chính không đúng quy định của pháp luật.

Điều 51. Hành vi vi phạm hành chính về chế độ báo cáo trong lĩnh vực kinh doanh xổ số

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi hoặc gửi không đủ báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Gửi báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thông tin, số liệu không đầy đủ, không chính xác trong báo cáo gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc doanh nghiệp kinh doanh xổ số bổ sung, đính chính số liệu báo cáo đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều này.

MỤC 8
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH XỔ SỐ

Điều 52. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xổ số

1. Thanh tra viên tài chính các cấp đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 500.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, d Khoản 2 Điều 4 của Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định này.

4. Thẩm quyền đối với mức phạt tiền quy định tại Điều này áp dụng đối với cá nhân, mức phạt tiền đối với tổ chức gấp hai lần cá nhân.

5. Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này, những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý của mình thì áp dụng quy định trong Nghị định này để xử phạt.

Chương 4
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[39]

Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2013 và thay thế Nghị định số 41/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 105/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh xổ số.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết, nếu các quy định về xử phạt vi phạm

---

[39] - Điều 3 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện:

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

- Điều 3 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

hành chính trong Nghị định có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 41/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2009 và Nghị định số 105/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2010.

Điều 54. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 11/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng